

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Lê Thị Hiệp

TIẾT 23

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MA TRẬN, BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90 phút

- I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
1. Kiến thức:

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với một số nội dung Đọc hiểu và Làm văn trọng tâm trong chương trình Ngữ văn 12 giữa học kỳ I.
2. Kỹ năng:

Đánh giá kỹ năng Đọc hiểu một văn bản ngoài chương trình sách giáo khoa và kỹ năng vận dụng cách phân tích, đánh giá đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện ... để viết bài văn nghị luận; kỹ năng trình bày và diễn đạt các nội dung bài viết một cách rõ ràng, đúng quy cách.
3. Thái độ:

Có quan điểm tích cực, có ý thức sống lành mạnh, có tâm hồn nhân ái.
4. Năng lực:

Phát huy năng lực tư duy, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sáng tạo của học sinh.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Hình thức:
- Tự luận, thời gian 90 phút
2. Cách thức tổ chức kiểm tra:
- Kiểm tra chung.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN NGỮ VĂN 12

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Tiểu thuyết hiện đại (Văn bản ngoài SGK)	2	3	1	6
Tỉ lệ % điểm			15%	30%	15%	60%
2	Làm văn	Viết bài văn nghị luận văn học	1	1	1	1
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			10%	15%	15%	40%
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			25%	45%	30%	100%

IV. Bảng đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá giữa kì 1, Ngữ Văn 12

TT	Nội dung kiến thức/ Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Tiểu thuyết	Nhận biết: - Xác định ngôi kể - Xác định chi tiết Thông hiểu: - Tác dụng biện pháp tu từ - Ý nghĩa của hình ảnh, câu văn. - Nhận xét phẩm chất nhân vật Vận dụng : - Từ văn bản , trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong cuộc sống .	2	3	1		6
2	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích truyện	Nhận biết: Xác định đúng hai đoạn trích, vấn đề nghị luận và các phương diện so sánh Thông hiểu: - Phân tích, làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn trích. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt	*	*	*	*	1

			chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích truyện; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: Phân tích điểm khác biệt, sử dụng dẫn chứng chính xác, tổ chức bài viết theo yêu cầu nghị luận so sánh. Vận dụng cao: - Lí giải nguyên nhân, đánh giá giá trị và nét độc đáo của từng đoạn trích, có nhận xét sâu sắc, sáng tạo. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.					
Tổng								7
Tỉ lệ				25%	45%	15%	15%	100%
Tỉ lệ chung				70%		30%		100%

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm):**

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại

- ***Yêu cầu:***

- + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại
- + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
- + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

**** Phần II: Viết (6,0 điểm) Nghị luận văn học***

- ***Về kiến thức:***

- + Kiến thức là một đoạn tiểu thuyết hiện đại không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 12

- ***Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:***

- + Kỹ năng viết bài văn nghị luận so sánh đánh giá 2 tác phẩm truyện
- + ***Dung lượng: 600 chữ***

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT :Viết bài văn nghị luận so sánh đánh giá 2 tác phẩm truyện

DÀN Ý CHUNG

1. Mở bài

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.
- Nêu vấn đề cần so sánh.

2. Thân bài

*** Đoạn văn khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả (*Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi*).

- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời (*Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi*).

+ Đề tài, cốt truyện, nhân vật chính (*Căn cứ vào văn bản*).

- Khái quát điểm giống và khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/ đoạn trích.

*** Luận điểm 1. Điểm giống nhau của hai tác phẩm đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

+ ***Điểm giống về nội dung:*** Đề tài, chủ đề, hình tượng nhân vật, giá trị hiện thực, nhân đạo,... của hai tác phẩm truyện.

+ ***Điểm giống về nghệ thuật:*** Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... của hai tác phẩm truyện.

*** Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

- Điểm khác nhau về nội dung:

+ *Tác phẩm/ đoạn trích 1:* Tư tưởng chủ đề của tác phẩm có gì khác? Số phận cuộc đời, vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong tác phẩm có gì khác? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tư tưởng chủ đề của tác phẩm?

+ *Tác phẩm/ đoạn trích 2:* Nét khác biệt về tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì? Hình tượng nhân vật có số phận cuộc đời, vẻ đẹp như thế nào? Có điểm khác biệt như thế nào? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm?

- Điểm khác nhau về nghệ thuật:

+ *Tác phẩm/ đoạn trích 1:* Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

+ *Tác phẩm/ đoạn trích 2:* Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng

nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

*** Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.**

- Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt?

- + Bối cảnh thời đại.
- + Đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn văn học.
- + Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.

- Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:

- + Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.
- + Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

*** Đoạn văn đánh giá**

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.
- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

3. Kết bài

- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

III.ĐỀ THAM KHẢO

I ĐỌC HIỂU (4 đ) Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

(Tóm tắt: “Dấu chân người lính” là tiểu thuyết kể về cuộc chiến vô cùng ác liệt của quân đội ta với kẻ thù ở thung lũng Khe Sanh, Quảng Trị. Tác phẩm gồm 03 phần: Hành quân – Chiến dịch bao vây – Đất giải phóng, nhằm tái hiện lại hành trình chiến đấu từ những ngày bắt đầu chuẩn bị đến chặn đường hành quân và cuối cùng là cuộc tấn công giành chiến thắng. Trong hành trình ấy là những câu chuyện về cuộc sống chiến đấu và đời sống tâm hồn của chính ủy Kinh, chiến sĩ cần vụ Khuê, trinh sát Lượng, lính thông tin Lữ, ... Đoạn trích dưới đây thuộc chương 12, kể về Nét – chị của Khuê, một nữ thanh niên xung phong, được điều đến làm công việc của y tá trạm phẫu thuật ở Tây Nam Khe Sanh)

Nét đã đi làm đường trong đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước hai năm, hai năm làm cấp đường nữa, cô đã đi gần suốt dãy Trường Sơn mà vẫn không sao sửa chữa được cái bệnh nhớ nhà.[...]

Làm sao nói hết mọi điều đáng nói về một cái bếp lửa trên chon von Trường Sơn? Những cái bếp bằng đất vất nặn nên bởi bàn tay khéo léo, khói chỉ lan lơ mờ trong cỏ như sương ban mai rồi tan dần, lửa thì đậu lại. Ngọn lửa được ấp ủ trong lòng người con gái đồng bằng. Những chiến sĩ hành quân trên Trường Sơn chợt trông thấy một ánh lửa hồng, một mái nhà, cái bờ giậu bằng cây sắn có rặng mỏng tơ leo, đàn gà lợn trong chuồng, bên đường một mái tóc cặp buông lơ, một kiểu chít khăn mỏ quạ, một nước da con gái đang sốt rét, một ánh mắt đầm thắm vồn vã: “Các anh người quê ở đâu ta?”. Có biết bao nhiêu là nỗi nhớ đồng bằng gửi vào trong một câu hỏi ấy? Có đêm khuya khoắt ngồi trước khuôn bếp, Nét lắng nghe thấy đủ các thứ tiếng động của rừng: tiếng suối chảy, tiếng gà rừng gáy, tiếng con tắc kè và tiếng chim “bắt cô trói cột”. Mỗi lúc như vậy, nỗi nhớ nhà và nhớ vùng xuôi cứ cồn cào trong gan ruột, Nét nghe rõ tiếng cá chép đớp mồi bên bờ ao ấu, cùng tiếng mẹ khỏa nước rửa chân ngoài cầu ao... Suốt những năm ở nhà cùng với mẹ, chẳng mấy khi Nét trông thấy mẹ mặc một cái quần chùng, hai ống quần ướt sũng bao giờ cũng vo quá gối, đôi bắp chân đen

thui khăng khiu bao giờ cũng in một ngấn bùn trắng. Mỗi buổi trưa hè đi làm ngoài đồng trở về, bước chân bao giờ cũng lật đật, mẹ vớt xóc cua đồng trước thềm nhà và liền nằm úp sấp bụng trên cái thềm đất, vừa cười ngượng nghịu vừa vẫy Nét lại. Nét chạy tới nhẹ nhàng giậm bàn chân trên dọc sống lưng mẹ, giận dữ rầy la mẹ sau các kỳ sinh nở không biết kiêng cử. Và những lúc như vậy, mẹ chỉ nín lặng nhẩn nhục rên khe khẽ và đưa mắt nhìn lũ con cãi cọ tranh nhau đuổi theo những con cua đồng “- U ời!”. Ngày hôm đó, Nét đã cầm chặt lá thư ngăn ngủi của Khuê trong những ngón tay cứng đờ như không còn biết cảm giác, cô kêu lên một tiếng rên rỉ đầy đau khổ và phẫn nộ. Nét nhớ ngày ở nhà, cô thường giả vờ xấn ống tay áo dọa đùa thằng em bé nhất: “Hiên ra đây chị gọi đầu nào?”. Thằng bé sợ nhất là bị bé đi gọi đầu liền khóc thét om cả nhà và lần nào Nét cũng bị mẹ mắng: “Cái con quỷ này lớn xác chỉ khỏe trâu em!”.

Các mẫu kỷ niệm vui buồn vụn vặt gần như chẳng có ý nghĩa gì hết ở trong cái gia đình nghèo và lam lũ, Nét cứ theo bộ đội đi một bước lại nhớ thêm một chuyện. Không biết bao nhiêu chuyện vui buồn nho nhỏ trong gia đình. Mỗi mẫu chuyện là một lưỡi dao cắt vào gan vào ruột. “Nét ơi, tao lạy mày, mày khóc đi một cái!”. - Không bao giờ tao chịu khóc đâu Dự ạ, lúc xong việc ở đây rồi thì tao sẽ khóc. Nhưng bây giờ anh chị em trong đội đang vội vàng chuẩn bị đón thương binh về, mỗi người xé ra làm hai ba mà chưa làm hết việc, lẽ nào ngồi khóc? Làm sao sinh ra người con gái giàu nước mắt vậy, nhưng Nét không rỏ một giọt nước mắt nào cho mẹ và em ở nhà đã chết vì bom Mỹ. Hãy nghiêng răng lại mà làm việc đừng quản ngày đêm. Hãy nghiêng răng lại mà chiến đấu và làm việc để trả thù cho những người thân đã mất!

(Trích Nguyễn Minh Châu, *Dấu chân người lính*, Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh, NXB Văn học, 2007, tr.53)

Câu 1 . Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2 . Theo đoạn trích, Nét đã tham gia những công việc gì trong đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước?

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu: Ngày hôm đó, Nét đã cầm chặt lá thư ngăn ngủi của Khuê trong những ngón tay cứng đờ như không còn biết cảm giác, cô kêu lên một tiếng rên rỉ đầy đau khổ và phẫn nộ.

Câu 4 (1.0 điểm). Nêu cách hiểu của anh/ chị về lời nói sau của nhân vật Nét: “Không bao giờ tao chịu khóc đâu Dự ạ, lúc xong việc ở đây rồi thì tao sẽ khóc”?

Câu 5 (1.0 điểm). Qua lời nói, hành động và cách ứng xử của nhân vật Nét với mọi người , hãy nhận xét về đẹp phẩm chất của nhân vật này?

Câu 6 (1.5 điểm). Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của tình yêu thương trong cuộc sống.(viết một đoạn văn 5–7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Anh /chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích sau:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi

các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mượn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.

(Trích Nhà mẹ Lê, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

(Lược phần đầu: Di Diệu và chú Đức lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con vì năm cưới chú, việc cắt khối u buồng trứng đã khiến di không thể tự sinh con. Bởi niềm khao khát về đứa con chưa lúc nào nguôi nên di bàn với chú Đức tìm người mang thai hộ. Chị Lành gánh nước thuê vì hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo nên nhận lời giúp chú di. Em bé trong bụng chị Lành ngày một lớn đem đến niềm vui vô bờ cho chú di, và cũng đẩy lên tình mẫu tử ở chị Lành.)
Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:

- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.

Di Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chồi đạp rồi rít. Chị Lành cười giòn:

- Nó mạnh quá chị ha....

Di Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tìm di riết lại một nỗi đau. Di thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẫy đạp bụng mình thon thoát. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Di bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Di Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Di Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc goe goe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương di Diệu. Chị rớt rít ăn, rớt rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau...

(Nguyễn Ngọc Tư, Làm mẹ, Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 5/2024)

Chú thích:

* **Thạch Lam** (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Là người đôn hậu và rất đổi tinh tế.

Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

* **Nguyễn Ngọc Tư** sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

ĐÁP ÁN

C1.Ngôi kể thứ ba.

C2. Nét làm đường trong đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước và làm cấp dưỡng. (0,5 điểm)

C3.Biện pháp tu từ so sánh được thể hiện qua hình ảnh “những ngón tay cứng đờ như không còn biết cảm giác”.

Tác dụng:

+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tăng hiệu quả diễn đạt cho lời văn.

+ Nhấn mạnh nỗi đau đớn tột cùng của Nết khi nhận được lá thư của Khuê báo tin dữ về gia đình và làm nổi bật nỗi đau tinh thần sâu sắc cùng sự phẫn nộ của Nết trước những mất mát do chiến tranh gây ra.

+ Qua đó, thể hiện lòng biết ơn, sự trân trọng của tác giả trước sự hi sinh cao cả của thế hệ đi trước

C4.

Lời nói “Không bao giờ tao chịu khóc đâu Dư ạ, lúc xong việc ở đây rồi thì tao sẽ khóc”

- Thể hiện sự kìm nén nỗi đau và ý chí mạnh mẽ của Nết trước mất mát lớn lao. Dù đau đớn khi mẹ và em qua đời vì bom Mỹ, cô vẫn đặt nhiệm vụ lên trên cảm xúc cá nhân, quyết tâm hoàn thành công việc và chăm lo cho thương binh. Qua đó, nhân vật hiện lên với tinh thần trách nhiệm cao, lòng căm thù giặc sâu sắc và nghị lực kiên cường của người nữ thanh niên xung phong trong chiến tranh.

C 5.

Qua lời nói, hành động và cách ứng xử với mọi người, Nết hiện lên là một cô gái giàu tình yêu thương đặc biệt với gia đình, luôn nhớ thương mẹ và các em.

Trong công việc, cô thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự tận tụy và ý chí kiên cường, sẵn sàng gác lại nỗi đau riêng để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhân vật là hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ: giàu tình cảm, giàu lòng căm thù giặc và có tinh thần cống hiến cao cả.

Câu 6 (1,5 điểm)

Tình yêu thương có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. Tình yêu thương giúp chúng ta cảm nhận được sự ấm áp, sẻ chia và có thêm động lực để vượt qua những khó khăn, thử thách. Khi biết yêu thương, con người sẽ sống nhân ái hơn, biết quan tâm, giúp đỡ và gắn kết với những người xung quanh.. Tình yêu thương còn giúp mỗi người biết sống có trách nhiệm và sẵn sàng cống hiến vì cộng đồng. Vì vậy, chúng ta cần trân trọng tình cảm gia đình, biết yêu thương mọi người và sẻ chia bằng những hành động thiết thực để xã hội ngày càng nhân văn, tốt đẹp, cuộc sống có ý nghĩa hơn.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

1. Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

“Văn học đối với tôi là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới” (Pautopxky). Văn học sinh ra để cho đời thêm hoa thơm trái ngọt, cho sự sống vút cao trên mỗi trang văn. Bước vào địa hạt văn học Việt Nam, ta không thể không nhắc tới hai nhà văn Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư. Bởi đó là hai tác giả, người trước, kẻ sau đã đóng những dấu triện riêng của mình vào nền văn học bằng những thiên truyện hấp dẫn của mình. Đặt 2 đoạn trích trong truyện “Nhà mẹ Lê” của Thạch Lam cạnh “Làm mẹ” của Nguyễn Ngọc Tư ta có thể thấy rõ hơn giá trị đặc sắc của mỗi tác phẩm cũng như sự tương đồng và khác biệt trong lối viết giữa hai tác giả.

2. Thân bài:

* Khái quát chung:

- Giới thiệu hai tác giả hai tác phẩm:

Thạch Lam (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Ông là người đôn hậu và rất đổi tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của

Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu trầm ấm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc. Truyện ngắn “Nhà mẹ Lê” kể về cuộc đời nhiều đau khổ, nghèo đói của những người dân ngụ cư. Nổi bật trong đó chính là gia đình nhà mẹ Lê - một người mẹ nghèo, góa chồng và có mười một người con. Cuộc sống tăm tối, nghèo đói, làm bao nhiêu cũng không đủ nuôi con. Cái nghèo cứ đeo bám, vì thương con mẹ Lê đi vay nhà ông Bá ít gạo. Nhưng số phận trớ trêu, đã không được cho vay mẹ Lê còn bị ông Bá cho chó ra cắn. Từ vết thương ấy, mẹ Lê đã ra đi mãi mãi để lại những đứa con thơ dại.

Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm và biết rằng mình muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Truyện ngắn “Làm mẹ” được in trong “Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư”, do NXB Trẻ phát hành vào tháng 5 năm 2024. Truyện xoay quanh một quãng đời của nhân vật chính là dì Diệu nhưng khái quát lên được vẻ đẹp của lòng người nhân ái giữa muôn vàn khó khăn của cuộc sống. Dì Diệu lấy chú Đức chưa được bao lâu phải làm phẫu thuật vì khối u buồng trứng khiến dì không thể tự mình sinh con. Trải qua bao đau khổ, buồn bã, dì tìm được tia hi vọng khi chị Lành gánh nước thuê gần nhà vì hoàn cảnh gia đình mà đồng ý mang thai đứa bé hộ dì. Niềm vui đến với dì song hành với niềm hạnh phúc nảy nở trong chị Lành khi cái thai bắt đầu xuất hiện, lớn lên. Một ngày chị Lành bỏ đi mất, dì Diệu đau đớn kiếm tìm trong vô vọng và tự trách mình. Rồi khi chị Lành xuất hiện trở lại, dì Diệu vui mừng khôn xiết, quyết định đốt đi bản hợp đồng ngăn cách tình yêu của hai người mẹ dành cho đứa trẻ.

- Khái quát điểm giống và điểm khác nhau

- ***So sánh, đánh giá hai tác phẩm:**

- ***Lược điểm 1. Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.***

- Thể loại: truyện ngắn thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm

- Đối tượng thẩm mĩ: là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

- Chủ đề: đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng.

- Quả thật, khi đặt hai đoạn truyện trong tác phẩm cạnh nhau, người đọc dễ dàng nhận thấy giữa chúng có không ít điểm tương đồng, gặp gỡ thú vị.

- Trước hết hai đoạn trích trong hai tác phẩm có sự gần gũi về thể loại và đề tài. Cùng là truyện ngắn, thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm, ở mỗi trang viết, người đọc như cảm nhận được sự nâng niu, trân trọng của mỗi nhà văn với những niềm vui nhỏ bé, bình dị của con người. Hơn nữa, cả hai tác phẩm đều chọn đối tượng thẩm mĩ là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

- Sự tương đồng trong lựa chọn thể loại và đề tài đã đưa đến sự gặp gỡ quan trọng và thú vị hơn: cả hai đoạn trích đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng. Hình ảnh mẹ Lê hiện lên qua lời kể của Thạch Lam là phụ nữ đói nghèo, khổ sở nhưng có khổ đến mấy cũng không bỏ con, thà chịu đói, chịu rét, chịu hết tất cả sự khổ đau thì cũng nuôi con cho bằng được. Sự vĩ đại ấy, cứ âm thầm lặng lẽ, chịu đựng. Ngôi bút truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư trong “Làm mẹ” tái hiện trước mắt bạn đọc một nhân vật dì Diệu đời thường với hoàn cảnh riêng éo le, vì bệnh tật dì Diệu

không thể làm mẹ, sinh con, ngày này qua tháng khác di Diêu đau đầu, không yên. “Làm mẹ” đã để lại cho người đọc một tình mẫu tử thiêng liêng, tình người cao đẹp mà hai người phụ nữ (di Diêu và chị Lành), hai người mẹ đã dành cho nhau, dành cho đứa con chung của mình. Hai câu chuyện về những cảnh ngộ khác nhau nhưng đều giống như ngọn gió mát lành xoa dịu tâm hồn người đọc, để rồi chúng ta thêm yêu thương những người phụ nữ của mình, để chúng ta biết trân trọng đáng sinh thành và tin tưởng vào vẻ đẹp tâm hồn của những người lương thiện.

- Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.

- Đặc điểm nhân vật:

- Mỗi nhân vật một cảnh ngộ, số phận khác nhau:

- + Mẹ Lê trong thiên truyện của Thạch Lam bị cái nghèo đói đeo đẳng đến khổ sở, thảm hại

- + Hai người phụ nữ trong “Làm mẹ”:

- ++ Người đau khổ vì thân phận “đẻ thuê”, phải dứt ruột lìa xa đứa con chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, dầu không chung dòng máu.

- ++ Kẻ tủi phận, đắng cay vì mang thân phụ nữ mà không có được may mắn tận hưởng thiên chức làm mẹ, chỉ biết âm thầm thềm ước, khát khao

- Mỗi nhân vật mang một vẻ đẹp riêng:

+ Nếu người mẹ của mười một đứa con khiến ta hết mực yêu thương ở sự tàn tảo, chịu thương chịu khó, dãi nắng dầm sương, không quản nhọc nhằn, đói khát để mang cho con hạt gạo, miếng cơm;

+ Thì người phụ nữ chưa một lần được gọi hai tiếng “mẹ ơi” của Nguyễn Ngọc Tư vẫn dư đầy sự nhân hậu, bao dung, vị tha và cao thượng; không chỉ khát con, yêu con, chị còn biết thấu cảm, sẻ chia với nỗi khổ đau của người khác; không vì lòng ích kỉ, vụ lợi mà cặn tình cặn nghĩa.

a. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ:

+ Thạch Lam ưa dùng thứ ngôn ngữ đậm chất nông dân thuần hậu, chất phác

+ Nguyễn Ngọc Tư lại khéo léo thổi vào ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật cái hơi thở tươi trẻ và hiện đại hơn

- Xây dựng hình tượng trung tâm:

+ Mẹ Lê – một người mẹ thôn quê già nua và nghèo khó

+ nữ nhà văn Nam Bộ lại khắc họa cùng một lúc hai hình ảnh phụ nữ hiện đại trẻ trung, sống tốt đời đẹp đạo mà thân phận thật lắm éo le. => lối kể chuyện đối sánh, kết hợp với nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế

- Nghệ thuật dựng truyện:

+ “Nhà mẹ Lê” tựa như thước phim toàn cảnh về một quãng đời gian khó của người phụ nữ nông dân; thiên về kể và tả cảnh đời, cảnh thiên nhiên

+ Câu chuyện của di Diêu, chị Lành trong “Làm mẹ” chỉ đơn thuần là sự bắt lấy một khoảnh khắc chuyện trò tâm tình của hai người đàn bà xoay quanh đứa “con chung” của họ. Một bên; đi sâu và thế giới tâm tư tình cảm đầy những góc khuất, những niềm đau chôn giấu của nhân vật.

- Luận điểm 3. Lý giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

*** Đánh giá:**

3. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng

của bản thân.

Có thể nói, chính những điểm gặp gỡ và khác biệt của hai đoạn trích về cả nội dung lẫn nghệ thuật thể hiện đã góp phần làm phong phú thêm những trang viết về đề tài tình mẫu tử, người phụ nữ trong văn học Việt Nam; đồng thời, khẳng định sự độc đáo, ấn tượng trong lối kể chuyện, phong cách văn chương của hai cây bút truyện ngắn xuất sắc của hai thời đại. Dù khác nhau trong “đôi mắt” nghệ thuật và “đôi tay” sáng tạo nhưng cả hai đều xứng đáng với vị trí những nhà văn hiện đại đầy tài năng, có tấm lòng nhân đạo bao la, với những trang viết thốn thức trái tim bạn đọc muôn đời.

